

DEVELOPING A STUDY GUIDE FOR THE COURSE “CHILD PHYSIOLOGY” TO DEVELOP COLLABORATIVE PROBLEM - SOLVING COMPETENCE FOR STUDENTS MAJORING IN EARLY CHILDHOOD EDUCATION

Nguyen Thi Thu Ha¹, Phan Thi Thanh Hoi^{*2}

* Corresponding author
Email: hoipth@hnue.edu.vn

¹ Email: hanttt79@nau.edu.vn
Nghe An University
51 Ly Tu Trong, Vinh Phu ward,
Nghe An province, Vietnam

² Hanoi National University of Education,
136 Xuan Thuy, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam

Received: 23/8/2025

Revised: 04/9/2025

Accepted: 10/10/2025

Published: 20/10/2025

Abstract: This paper proposes a four-step process for developing learning guides and applies it to the Child Physiology course in the Early Childhood Education undergraduate program. Using theoretical research methods and expert consultation, the authors designed a learning guide and formulated the four-step procedure. The guide not only supports students in self-studying the course content but also fosters their self-learning capacity, proactivity, and creativity. In particular, it incorporates a system of collaborative tasks and practical situations that create opportunities for students to work together in solving problems, thereby enhancing their collaborative problem-solving competence.

Keywords: *Study guide, collaborative problem-solving competence, child Physiology, Early Childhood Education students.*

XÂY DỰNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC HỌC PHẦN “SINH LÝ HỌC TRẺ EM” NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Nguyễn Thị Thu Hà¹, Phan Thị Thanh Hội^{*2}

* Tác giả liên hệ:
Email: hoipth@hnue.edu.vn

¹ Email: hanttt79@nau.edu.vn
Trường Đại học Nghệ An
51 Lý Tự Trọng, phường Vinh Phú,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

² Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,
136 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 23/8/2025

Chỉnh sửa xong: 04/9/2025

Chấp nhận đăng: 10/10/2025

Xuất bản: 20/10/2025

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu đề xuất quy trình 4 bước xây dựng tài liệu hướng dẫn học và vận dụng quy trình này trong học phần Sinh lý học trẻ em của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm Non. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết và tham vấn chuyên gia, nhóm tác giả đã xây dựng tài liệu hướng dẫn học và đề xuất quy trình. Tài liệu này vừa giúp cho sinh viên tự học nội dung kiến thức học phần Sinh lý học trẻ em, qua đó vừa phát triển năng lực tự học, chủ động, sáng tạo trong học tập cho sinh viên, đặc biệt tài liệu chứa một hệ thống các nhiệm vụ hợp tác, các tình huống thực tiễn tạo cơ hội cho sinh viên cùng nhau giải quyết nhằm phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

Từ khóa: *Tài liệu hướng dẫn học, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề, Sinh lý học trẻ em, sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện nay, việc phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề (Collaborative Problem Solving - CPS), được xem là một trong những yêu cầu thiết yếu để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Các nghiên cứu trên thế giới (Griffin & Care, 2015; OECD, 2017) đã nêu ra được vai trò quan trọng của CPS trong việc hình thành năng lực tư duy, sáng tạo và làm việc nhóm ở người học. Ở Việt Nam, một số công trình bước đầu đề cập đến việc rèn luyện năng lực hợp tác (Phan Thị Thanh Hội và Phạm Huyền Phương, 2015) và năng lực hợp tác giải quyết vấn đề (Vũ Phương Liên,

2020; Đặng Thị Diệu Hiền, 2021; Phan Thị Thanh Hội & Nguyễn Thị Thu Hà, 2022). Các tác giả đã nghiên cứu trên đối tượng học sinh, sinh viên trong dạy học các học phần chuyên môn, mới dừng lại ở mức đề xuất biện pháp, quy trình tổ chức dạy học và xây dựng tiêu chí đánh giá các kỹ năng thành phần của CPS. Chưa có công trình nào đi sâu vào việc thiết kế tài liệu học tập theo định hướng phát triển CPS. Đặc biệt là trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu cần được quan tâm. Xuất phát từ yêu cầu trên, bài viết này tập trung trả lời câu hỏi nghiên cứu: *Làm thế nào để xây*

dựng tài liệu hướng dẫn học học phần “Sinh lí học trẻ em” nhằm phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non?

Dựa trên việc phân tích cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc thiết kế tài liệu hướng dẫn học theo định hướng phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề, bài viết đề xuất quy trình xây dựng tài liệu hướng dẫn học học phần “Sinh lí học trẻ em” như một công cụ sử dụng phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp lí thuyết: thu thập, phân tích và so sánh các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến năng lực hợp tác giải quyết vấn đề và việc xây dựng tài liệu hướng dẫn học. Kết quả phân tích cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất quy trình xây dựng tài liệu hướng dẫn học phần Sinh lí học trẻ em nhằm phát triển năng lực CPS cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

2.2. Phương pháp tham vấn chuyên gia

Chúng tôi tham khảo ý kiến của một số chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non và phương pháp dạy học về quy trình, cấu trúc và nội dung tài liệu hướng dẫn học theo định hướng phát triển CPS. Trên cơ sở các góp ý, nhóm nghiên cứu đã chỉnh sửa và hoàn thiện tài liệu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát về năng lực hợp tác giải quyết vấn đề

3.1.1. Khái niệm năng lực hợp tác giải quyết vấn đề

Có khá nhiều tổ chức, cá nhân định nghĩa khái niệm năng lực hợp tác giải quyết vấn đề. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) trong đánh giá PISA 2015, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề là: “Khả năng của một cá nhân tham gia một cách có hiệu quả vào một quá trình, trong đó có hai hoặc nhiều thành tố (Agents) cùng nhau cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách chia sẻ sự hiểu biết và

nỗ lực cần thiết để đi đến giải pháp và tổng hợp kiến thức, kĩ năng và nỗ lực của các thành viên để đạt được giải pháp đó”. Định nghĩa này nhấn mạnh sự tham gia tích cực của cá nhân vào quá trình hợp tác. Theo tác giả Đinh Thị Kim Thoa và cộng sự (2019), năng lực hợp tác giải quyết vấn đề là khả năng cá nhân phối kết hợp với một hay nhiều người khác trong việc vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị, niềm tin... để cùng nhau tìm ra vấn đề cần giải quyết. Xác định các giải pháp và lựa chọn được giải pháp tối ưu, lập kế hoạch thực hiện giải pháp đó trong hoàn cảnh cụ thể. Đánh giá được hiệu quả của giải pháp cũng như hiệu quả của quá trình hợp tác.

Năng lực hợp tác giải quyết vấn đề là tổng hợp các kĩ năng, kiến thức, thái độ của người học cần thiết để tham gia giải quyết một vấn đề mà không thể giải quyết một mình và cần có sự hợp tác, trao đổi với những người cùng hợp tác để đạt được mục tiêu chung (Vũ Phương Liên, 2020). Từ các quan điểm trên, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề đều có chung các đặc điểm sau: 1) Có sự tham gia từ hai thành viên trở lên; 2) Phải vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ... của từng thành viên; 3) Cùng nhau giải quyết vấn đề chung có hiệu quả mà khi một mình không thể giải quyết được.

Từ tổng hợp, phân tích, kế thừa các quan điểm về năng lực hợp tác giải quyết vấn đề và cách lựa chọn thuật ngữ, trong nghiên cứu này chúng tôi coi “Năng lực hợp tác giải quyết vấn đề là khả năng của mỗi người dựa trên vốn kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng giao tiếp của bản thân tham gia cùng các thành viên khác nhằm giải quyết vấn đề và thực hiện một mục tiêu chung có hiệu quả”.

3.1.2. Cấu trúc năng lực hợp tác giải quyết vấn đề

Dựa vào các nghiên cứu của các tác giả Đinh Thị Kim Thoa (2019), Vũ Phương Liên (2020)..., trong bài viết này, chúng tôi đã xây dựng cấu trúc năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non với 5 kĩ năng thành phần và 16 chỉ báo như sau:

Bảng 1: Cấu trúc năng lực hợp tác giải quyết vấn đề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

STT	Kĩ năng thành phần	Chỉ báo
1	Phát hiện và thống nhất vấn đề cần giải quyết	A1. Xây dựng nguyên tắc hoạt động nhóm. A2. Cá nhân phát hiện vấn đề qua tình huống hoặc kênh hình/bối cảnh. A3. Thảo luận để thống nhất vấn đề cần giải quyết.

STT	Kĩ năng thành phần	Chỉ báo
2	Thiết lập không gian vấn đề, đề xuất giả thuyết, lựa chọn giải pháp	B1. Xác định các nội dung liên quan đến vấn đề, thảo luận thống nhất các nội dung liên quan cần tìm hiểu B2. Đề xuất và thống nhất giả thuyết. B3. Đề xuất và thống nhất giải pháp giải quyết vấn đề
3	Lập và thống nhất kế hoạch giải quyết vấn đề	C1. Cùng nhau xác định nhiệm vụ, cách tiến hành, thời gian thực hiện. C2. Tự đánh giá và đánh giá về ưu, nhược điểm của từng thành viên trong nhóm; Phân công và nhận nhiệm vụ phù hợp năng lực từng thành viên. C3. Thống nhất lập bảng kế hoạch, bao gồm: nhiệm vụ, phương pháp, phương tiện, thời gian, sản phẩm dự kiến và người thực hiện.
4	Cùng nhau thực hiện giải quyết vấn đề	D1. Thu thập thông tin và chia sẻ tài nguyên, dữ liệu với nhau D2. Điều tra, khảo sát, phỏng vấn (nếu cần) D3. Xây dựng báo cáo hoặc sản phẩm trên cơ sở nhóm đồng thuận và cam kết. D4. Trình bày báo cáo/sản phẩm và trả lời câu hỏi liên quan của thành viên khác
5	Đánh giá và điều chỉnh giải pháp	E1. Đánh giá hiệu quả giải pháp của nhóm và đề xuất cải tiến E2. Tự đánh giá/đánh giá lẫn nhau và đề xuất cải tiến E3. Đánh giá đồng đẳng các thành viên trong nhóm, giữa các nhóm và đề xuất cải tiến.

3.1.3. *Vai trò của năng lực hợp tác giải quyết vấn đề đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non*

Ở trường đại học, khi hợp tác giải quyết vấn đề, sinh viên được khuyến khích tư duy đa chiều, đưa ra nhiều ý kiến, từ đó nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và tìm kiếm giải pháp mới. Việc hợp tác giúp sinh viên và giảng viên dễ dàng chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau về các phương pháp giảng dạy, công nghệ mới, từ đó nâng cao nghiệp vụ và bắt kịp xu hướng giáo dục hiện đại.

Trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục Mầm non, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề đặc biệt quan trọng đối với giáo viên, vì các lí do sau: 1) Ở trường, giáo viên không làm việc độc lập mà luôn là một phần của tập thể nhà trường, phối hợp với các giáo viên khác, ban giám hiệu, nhân viên y tế, cấp dưỡng... để đảm bảo môi trường chăm sóc, giáo dục tốt nhất cho học sinh; 2) Trong nhà trường, thường xuyên phát sinh các tình huống phức tạp và bất ngờ liên quan đến trẻ (trẻ ốm đau, tai nạn, tranh giành đồ chơi, xung đột giữa các bé...) mà nếu có năng lực hợp tác giải quyết vấn đề sẽ giúp giáo viên bình tĩnh, thảo luận, cùng nhau tìm ra phương án xử lí tối ưu; 3) Nếu giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của năng lực hợp tác giải quyết vấn đề, họ sẽ nâng cao chất lượng giáo dục trẻ mầm non. Khi đó, giáo viên sẽ tạo ra một môi trường lớp học hòa đồng, khuyến khích trẻ cũng học cách chia sẻ, lắng nghe và làm việc nhóm. Trẻ sẽ học được cách tôn trọng người khác, biết chia sẻ, nhường nhịn và có trách nhiệm

với nhiệm vụ chung. Điều này giúp trẻ phát triển các kĩ năng xã hội quan trọng ngay từ nhỏ; 4) Giáo viên hợp tác tốt có thể cùng nhau xây dựng các kế hoạch giáo dục đa dạng, phong phú, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ thể chất, tình cảm, trí tuệ đến thẩm mĩ.

3.2. *Xây dựng tài liệu hướng dẫn học học phần Sinh lí học trẻ em phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên*

3.2.1. *Khái niệm tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề*

Tài liệu: Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê (2000): “Tài liệu là văn bản giúp cho việc tìm hiểu một vấn đề gì đó”. Theo Luật lưu trữ: “Tài liệu là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

Tài liệu học tập: Tài liệu học tập là tài liệu được xây dựng nhằm hỗ trợ quá trình học tập và rèn luyện cho người học, bao gồm tập hợp những nội dung, công cụ hỗ trợ và hướng dẫn cho người học học tập. Tài liệu học tập có thể ở các dạng như: giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, tập bài giảng, video...

Tài liệu hướng dẫn học: Tài liệu hướng dẫn học là tài liệu chứa các nội dung học tập cốt lõi và cách hướng dẫn, chỉ dẫn, bài tập, nhiệm vụ học tập giúp người học tự học, tự nghiên cứu, hợp tác với nhau nhằm khai thác nội dung học tập theo một chương trình cụ thể. Tài liệu hướng dẫn học không chỉ đơn thuần là sách giáo khoa hay tài liệu tham khảo mà

còn bao gồm các bài tập thực hành, câu hỏi ôn luyện, ví dụ minh họa và các phương pháp học tập hiệu quả. Tài liệu hướng dẫn học đóng vai trò như “người thầy không đứng trên bục giảng” giúp người học phát huy tính chủ động và sáng tạo trong học tập.

Bản chất tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề: Tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề là loại tài liệu được thiết kế cho một học phần cụ thể, với mục đích kép vừa cung cấp kiến thức cốt lõi vừa phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề. Tài liệu này được thiết kế bao gồm hệ thống hoạt động, tình huống và nhiệm vụ học tập ở nhiều mức độ tư duy, từ dễ đến khó. Thông qua đó, sinh viên không chỉ tự học mà còn phải hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ, hình thành và phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

Khác với tài liệu học tập thông thường chủ yếu cung cấp kiến thức và câu hỏi ôn tập, tài liệu này bổ sung các bài tập tình huống, nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi sinh viên phải hợp tác mới có thể giải quyết. Nhờ đó, việc thực hiện các nhiệm vụ không chỉ giúp sinh viên nắm vững kiến thức mà còn phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

3.2.2. Mục đích xây dựng tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề

Xây dựng tài liệu hướng dẫn học nhằm mục đích phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên. Ngoài ra, tài liệu còn có mục đích sau đây:

Phát huy tính chủ động và năng lực tự học của sinh viên: Dựa vào nội dung và các hoạt động trong tài liệu, sinh viên chủ động đọc tài liệu, lập kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ học tập. Qua đó, người học phát huy tính tự học, chủ động.

Tăng cường tương tác giữa các thành viên: Các hoạt động yêu cầu hợp tác trong tài liệu giúp tạo ra môi trường để người học tương tác, trao đổi và học hỏi lẫn nhau giúp nhóm tìm ra giải pháp tối ưu cho một vấn đề phức tạp.

Gắn kết lý thuyết với thực tiễn: Các bài tập tình huống, các dự án nhóm trong tài liệu tích hợp các vấn đề thực tế vào nội dung bài học, yêu cầu sinh viên phải sử dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích, tìm hiểu, nghiên cứu và đưa ra giải pháp. Điều này tạo ra cầu nối giữa lý thuyết và ứng dụng trong cuộc sống hoặc nghề nghiệp trong tương lai.

Giảm áp lực thời gian trên lớp: Sinh viên thực hiện các nhiệm vụ đơn giản tại nhà, còn các nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi tư duy cao sẽ được tiến hành trên

lớp. Cách bố trí này giúp giảm áp lực về thời gian và nội dung học tập trong giờ học.

3.2.3. Đặc điểm tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên

Định hướng phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề: Tài liệu không chỉ chứa các nội dung kiến thức mà cần có các hoạt động, nhiệm vụ học tập mang tính hợp tác, tạo cơ hội để sinh viên thảo luận và giải quyết tình huống. Các hoạt động này hướng đến việc rèn luyện từng kỹ năng thành phần của năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

Tính tương tác cao: Các nhiệm vụ học tập cần có nhiều câu hỏi mở, bài tập tình huống, dự án nhỏ buộc sinh viên phải cùng nhau bàn luận và tìm giải pháp. Khuyến khích sinh viên trao đổi, phản biện, chia sẻ nội dung học tập.

Tính thực tiễn - gắn với nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, tình huống học tập cần xuất phát từ bối cảnh thực tế hoặc gắn với ngành đào tạo. Qua đó, sinh viên nhận thức rõ ý nghĩa và giá trị của việc hợp tác giải quyết vấn đề trong nghề nghiệp tương lai.

Tính mở và linh hoạt: Tài liệu giới thiệu các công cụ hỗ trợ học tập cho phép người học khai thác thêm nguồn tài liệu ngoài, mở rộng cách tiếp cận. Các hoạt động học tập cần linh hoạt, khuyến khích sáng tạo trong cách giải quyết.

Tính đa dạng và sáng tạo: Tài liệu cần kết hợp nhiều dạng: văn bản, sơ đồ, bảng biểu, câu hỏi thảo luận, tình huống, rubrics đánh giá. Tài liệu có thể dùng cho học trên lớp và học trực tuyến, tự học hoặc thảo luận nhóm.

3.2.4. Yêu cầu đối với tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề

Về nội dung học tập trong tài liệu: Nội dung trong tài liệu phải chính xác, khoa học, thường xuyên cập nhật và được sắp xếp hợp lý theo đề cương học phần.

Về hoạt động học tập: Cần thiết kế nhiệm vụ cá nhân, nhiệm vụ nhóm rõ ràng (có thể phân chia vai trò từng thành viên, cách phối hợp giữa các thành viên). Các hoạt động học tập cần được sắp xếp theo trình tự logic từ dễ đến khó, đảm bảo bao quát các mức độ tư duy từ nhận biết đến sáng tạo. Cần xây dựng các tình huống học tập gắn với thực tiễn nghề nghiệp. Hoạt động học tập cần tạo cơ hội để sinh viên đề xuất, so sánh và lựa chọn giải pháp.

Về phương pháp và hình thức thể hiện trong tài liệu: Sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, gợi mở, có hướng dẫn rõ ràng; Trình bày trực quan, kết hợp kênh chữ, hình ảnh, sơ đồ, bảng tóm tắt...

Về đánh giá: Có các tiêu chí đánh giá dưới dạng bảng kiểm hoặc phiếu đánh giá, rõ ràng, dễ sử dụng. Hướng dẫn đánh giá cần kết hợp tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, giảng viên đánh giá.

3.2.5. Quy trình xây dựng tài liệu hướng dẫn học học phần Sinh lí học trẻ em phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Trên cơ sở các yêu cầu về tài liệu hướng dẫn học ở mục 3.4, quy trình xây dựng tài liệu hướng dẫn học nhằm phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề gồm 4 bước như sau:



Bước 1: Phân tích đối tượng và xác định mục tiêu tài liệu

Đối tượng sử dụng tài liệu là sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Do đó, cần phân tích đặc điểm của đối tượng này về các kiến thức nền tảng sinh viên có, những thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi học học phần Sinh lí học trẻ em. Xác định nhu cầu thực tế của sinh viên trong tương lai.

Xác định mục tiêu cụ thể của tài liệu, bao gồm mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn; mục tiêu về phát triển năng lực chung và phẩm chất của người học.

Căn cứ vào Đề cương chi tiết học phần Sinh lí học trẻ em, xác định mục tiêu tài liệu phát triển cho sinh viên năng lực sinh học (cụ thể trong nội dung Sinh lí học trẻ em), năng lực tự học và năng lực hợp tác giải quyết vấn đề. Về phẩm chất sinh viên hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động, tinh thần trách nhiệm.

Bước 2: Xây dựng cấu trúc và nội dung tài liệu

Cấu trúc tài liệu cần được xác định rõ ràng, thông thường tài liệu hướng dẫn học gồm 2 phần: Mở đầu; Nội dung tài liệu. Ở tài liệu này, cấu trúc gồm các phần cụ thể như sau:

- **Mở đầu:** Giới thiệu mục tiêu, yêu cầu của tài liệu; mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; Hướng dẫn cách sử dụng tài liệu và phương pháp học tập theo tài liệu.

- **Nội dung tài liệu:**

Phần 1: Cơ sở lí luận về phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề: khái niệm, vai trò, và các bước rèn luyện năng lực hợp tác giải quyết vấn đề,...

Phần 2: Hướng dẫn học học phần Sinh lí học trẻ em: hướng dẫn học tập theo từng chủ đề tích hợp phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề

Ở phần Nội dung tài liệu cần xác định rõ các chủ

đề hướng dẫn học và các nội dung, hoạt động trong mỗi chủ đề. Để xác định các chủ đề, dựa vào nội dung trong đề cương học phần. Ở mỗi chủ đề cần xác định mục tiêu, nội dung chủ đề và các hoạt động học tập cụ thể. Học phần Sinh lí học trẻ em gồm 9 chủ đề sau: 1) Sự sinh trưởng và phát triển chung của cơ thể trẻ em; 2) Hệ thần kinh; 3) Các cơ quan phân tích; 4) Hệ vận động; 5) Hệ tuần hoàn; 6) Hệ hô hấp; 7) Hệ tiêu hoá; 8) Da và hệ tiết niệu; 9) Hệ sinh dục.

Mỗi chủ đề gồm các nội dung sau:

1) Mục tiêu chủ đề: mục tiêu thể hiện các biểu hiện về năng lực và phẩm chất.

2) Nội dung cốt lõi của chủ đề. Trình bày tóm tắt nội dung kiến thức của từng chủ đề. Nội dung được tóm tắt ngắn gọn, súc tích, có thể kèm sơ đồ, bảng để dễ học và ghi nhớ lâu.

3) Nhiệm vụ học tập.

Nhiệm vụ học tập cá nhân: Các nhiệm vụ, tình huống đơn giản, mức tư duy thường bao gồm nhận biết, thông hiểu và có thể ở mức vận dụng, (mức 1,2,3 theo thang đo Bloom) sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu, thực hiện các nhiệm vụ cá nhân đơn giản. Có thể kèm theo câu hỏi gợi mở yêu cầu sinh viên đề xuất phương án giải quyết

Nhiệm vụ học tập theo nhóm: Các nhiệm vụ, bài tập tình huống phức tạp, có mức tư duy cao từ vận dụng đến sáng tạo (mức 4,5,6 theo thang đo Bloom), đặc biệt là các bài tập tình huống được thiết kế nhằm rèn luyện từng kĩ năng hoặc tổng hợp các kĩ năng của năng lực hợp tác giải quyết vấn đề. Yêu cầu của các nhiệm vụ này sinh viên cần thảo luận, thực hiện dự án hoặc giải quyết bài tập tình huống. Có thể phân công vai trò, trách nhiệm từng thành viên rõ ràng. Có thể cần có câu hỏi hướng dẫn để hỗ trợ quá trình hợp tác.

4) Các công cụ hỗ trợ học tập: Bao gồm các phiếu học tập, sơ đồ tư duy, gợi ý nguồn tài liệu tham khảo, tài liệu mở; sách, giáo trình, bài báo khoa học, website học thuật liên quan đến nội dung môn học và phát triển năng lực.

5) Đánh giá: Bao gồm các bảng kiểm (Checklist), rubrics đánh giá năng lực hợp tác giải quyết vấn đề (kết hợp tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và giảng viên đánh giá).

Bước 3: Biên soạn nội dung chi tiết và thiết kế học liệu

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chủ đề đã xác định, biên soạn tóm tắt nội dung chủ đề. Kết hợp kênh chữ, hình ảnh, sơ đồ, bảng... phù hợp để xây dựng nội dung chủ đề. Nội dung được thiết kế phải

đảm bảo logic, dễ hiểu và phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên.

Xây dựng các tình huống, nhiệm vụ học tập: Mỗi nhiệm vụ cần có mô tả rõ ràng, xác định là nhiệm vụ cá nhân hay nhóm. Các bài tập tình huống phải thực tế, đa chiều và yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết.

Thiết kế hoặc gợi ý các học liệu hỗ trợ: xây dựng video hoặc các phiếu học tập gợi ý cho sinh viên thực hiện nhiệm vụ. Các học liệu này cần phải cụ thể, chi tiết, rõ nét, khoa học, để sinh viên có thể khai thác và học tập. Thiết kế tiêu chí đánh giá cho cả sản phẩm học tập và quá trình hợp tác giải quyết vấn đề. Ngoài ra, cần gợi ý các học liệu cần thiết khác để định hướng hoạt động học cho sinh viên như các website, bài báo, sách tham khảo...

Bước 4: Thử nghiệm, đánh giá và hoàn thiện tài liệu

Sử dụng tài liệu vào giảng dạy thử nghiệm trên một nhóm sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, ghi nhận phản hồi về mức độ dễ hiểu, tính khả thi của các hoạt động và hiệu quả của tài liệu.

Tổ chức thảo luận, khảo sát để thu thập ý kiến về mức độ hài lòng, tính dễ hiểu, dễ sử dụng của tài liệu từ các đối tượng là giảng viên và sinh viên. Kết quả thử nghiệm bước đầu với tài liệu hướng dẫn học học phần "Sinh lý học trẻ em" cho thấy nhiều tín hiệu tích cực từ cả phía sinh viên, giảng viên. Phản hồi thu được có thể phân tích trên một số khía cạnh sau:

Về mức độ hài lòng của tài liệu: Phần lớn sinh viên tham gia thử nghiệm đánh giá tài liệu được thiết kế rõ ràng, có sự liên kết hợp lý giữa mục tiêu học tập, nội dung kiến thức và các bài tập tình huống hợp tác giải quyết vấn đề. Nhiều sinh viên cho rằng, tài liệu đã giúp họ định hướng tốt hơn trong quá trình học tập, đặc biệt là khi phải phối hợp, trao đổi để giải quyết nhiệm vụ. Giảng viên cũng xác nhận rằng, việc triển khai tài liệu không gây quá tải về thời lượng, phù hợp với điều kiện dạy học hiện nay.

Về mức độ dễ hiểu, dễ sử dụng: Sinh viên tham gia thảo luận lấy ý kiến đều cho rằng, tài liệu dễ sử dụng và ghi nhận sự thay đổi rõ rệt trong cách làm việc nhóm: biết phân công nhiệm vụ, lắng nghe ý kiến bạn học, phản biện trên cơ sở lý lẽ khoa học và cùng nhau đi đến thống nhất giải pháp. Giảng viên trực tiếp giảng dạy thử nghiệm đánh giá tài liệu đã tác động quá trình học tập trở nên sinh động hơn, tích cực hơn. Thay vì chỉ tập trung nghe giảng thụ động. Điều này khẳng định tính đúng đắn của định hướng phát triển CPS thông qua thiết kế tài liệu học tập. Từ những phản hồi trên có thể thấy, tài liệu hướng dẫn học không chỉ góp phần phát triển năng lực hợp tác

giải quyết vấn đề cho sinh viên mà còn hỗ trợ giảng viên trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, để khẳng định chắc chắn hiệu quả, cần tiếp tục mở rộng thử nghiệm trên nhiều nhóm sinh viên và học phần khác.

3.2.6. Giới thiệu tóm tắt tài liệu hướng dẫn học học phần Sinh lý học trẻ em

Dựa vào quy trình trên xây dựng tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ở học phần Sinh lý học trẻ em, file dạng text.

- *Mở đầu:* Giới thiệu mục tiêu, yêu cầu của tài liệu; mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; Hướng dẫn cách sử dụng tài liệu và phương pháp học tập theo tài liệu.

- *Nội dung tài liệu:*

Phần 1: Cơ sở lý luận về phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

1.1. Các khái niệm liên quan đến năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

1.2. Vai trò của năng lực hợp tác giải quyết vấn đề đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

1.3. Khung năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

1.4. Biện pháp phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

1.5. Một số công cụ phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

Phần 2: Hướng dẫn học tập học phần Sinh lý học trẻ em: Hướng dẫn học tập theo từng chủ đề trong học phần Sinh lý học trẻ em.

Trong phạm vi bài báo, chúng tôi giới thiệu chủ đề: **Hệ tuần hoàn.**

Mục tiêu chủ đề:

Năng lực sinh học: Nêu được các chức năng và thành phần của máu. Vai trò của hệ tuần hoàn; Phân tích được các đặc điểm cấu tạo của tim và hệ mạch trẻ em; Phân tích được cơ chế hoạt động của tim, hệ mạch trẻ em; Trình bày được sự khác nhau giữa hệ tuần hoàn thai nhi và người lớn; Giải thích và vận dụng được các biện pháp bảo vệ và rèn luyện hệ tim mạch cho trẻ mầm non.

Năng lực chung:

Năng lực tự học: Đọc và thực hiện nhiệm vụ trong tài liệu hướng dẫn học; tìm kiếm và đọc thêm các thông tin liên quan đến hệ tuần hoàn.

Năng lực hợp tác giải quyết vấn đề: Làm việc nhóm, trao đổi với các thành viên để hoàn thành các nhiệm

vụ, giải quyết tình huống. Thực hiện dự án về hệ tuần hoàn, phát triển các kỹ năng thành phần như: phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp, lập kế hoạch thực hiện kế hoạch, đánh giá giải pháp.

Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Tự quản lý thời gian và tự chịu kết quả học tập của bản thân trong suốt quá trình học tập.

Phẩm chất: Thể hiện các phẩm chất người giáo viên mầm non: Yêu nghề, yêu trẻ, tận tâm với hoạt động vệ sinh và chăm sóc hệ tuần hoàn cho trẻ mầm non. Tự tin và chủ động, trách nhiệm trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm tìm hiểu về hệ tuần hoàn trẻ em.

Nội dung chủ đề:

- Cấu tạo và chức năng của máu.
- Tim và mạch máu.
- Bảo vệ và rèn luyện hệ tim mạch cho trẻ.

Nhiệm vụ học tập chủ đề:

- **Nhiệm vụ cá nhân:** Nghiên cứu Giáo trình Sinh lý học trẻ em Chương 5 và xem video, trên trang padlet hoặc LMS của lớp, trả lời câu hỏi sau:

1. Nêu các thành phần và phân tích chức năng của máu trong cơ thể người;
2. Trình bày đặc điểm cấu tạo của tim và hệ mạch trẻ em;
3. Trong một buổi học thảo luận, bạn Nam đang phân tích về hệ tuần hoàn ở người. Khi nói về sự khác biệt giữa động mạch và tĩnh mạch, bạn Nam cho rằng: “Máu trong động mạch luôn là máu đỏ tươi vì động mạch có nhiệm vụ dẫn máu giàu oxy đi nuôi cơ thể”. Phân tích và cho biết ý kiến của bạn Nam đúng hay sai, đồng thời giải thích lý do.

- **Nhiệm vụ nhóm:**

4. Bài tập tình huống: Trong một buổi thực tập tại trung tâm y tế, một sinh viên ngành Y được biết về một trường hợp khá đặc biệt của sản phụ 26 tuổi. Chị Mai đã sống chung với virus HIV trong vài năm, chị tuân thủ phác đồ điều trị nghiêm ngặt trong suốt thai kỳ. Sau khi sinh, bé gái được xét nghiệm và kết quả cho thấy hoàn toàn âm tính với HIV.

a) Dựa vào kiến thức đã học về đặc điểm tuần hoàn nhau thai, hãy giải thích tại sao virus HIV từ mẹ không lây sang con trong quá trình mang thai.

b) Ý nghĩa giáo dục trong việc chăm sóc trẻ sơ sinh và phòng tránh lây nhiễm bệnh HIV trong cộng đồng.

5. Lập kế hoạch và mô phỏng một cuộc khảo sát (không cần tiến hành thực tế) về tình hình trẻ mầm

non mắc bệnh tim bẩm sinh, sau đó đề xuất biện pháp hỗ trợ giáo dục và chăm sóc.

Các công cụ hỗ trợ học tập: Giáo trình: Mai Văn Hưng (chủ biên), Trần Thị Minh. *Sinh lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2024.

Link video: <https://youtu.be/8p-5DDpO4xY?si=gzBgGxVBPJiLGrFT&t=2049>

3.3. Quy trình sử dụng tài liệu hướng dẫn học nhằm phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Trên cơ sở tài liệu phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề đã thiết kế, chúng tôi xây dựng quy trình sử dụng tài liệu giúp sinh viên nhận thức, rèn luyện và tự đánh giá năng lực hợp tác giải quyết vấn đề thông qua bài giảng cụ thể. Quy trình gồm các bước như sau:

Bước 1: Cung cấp tài liệu cho sinh viên và hướng dẫn sử dụng tài liệu.

GV chia sẻ tài liệu cho sinh viên trên trang padlet hoặc trang LMS của lớp. Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng tài liệu

Bước 2: Hướng dẫn cho sinh viên tự học tài liệu.

Yêu cầu sinh viên sử dụng tài liệu bản text, đồng thời đăng nhập vào trang padlet hoặc LMS để xem video bài giảng, hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Sinh viên hoàn thành và nộp sản phẩm học tập lên padlet/LMS.

Bước 3: Tổ chức dạy học trên lớp.

- Báo cáo kết quả các nhiệm vụ học tập đã thực hiện ở nhà, chia sẻ, trao đổi và rút ra kết luận một số nội dung đã học.

- Tổ chức cho sinh viên hoạt động nhóm, thảo luận nhóm để khám phá kiến thức, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, sử dụng các bài tập tình huống.

Bước 4: Tổ chức đánh giá năng lực hợp tác giải quyết vấn đề của sinh viên.

Đánh giá cá nhân và nhóm thông qua phiếu chấm bài tập tình huống. Các nhóm đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá dựa vào phiếu chấm.

Bước 5: Tổ chức rút kinh nghiệm và hoàn thiện tài liệu.

Tổ chức cho sinh viên rút kinh nghiệm về quá trình học tập, đồng thời góp ý tài liệu; Giảng viên chỉnh sửa và bổ sung những điểm chưa hợp lý để hoàn thiện tài liệu.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã xây dựng được tài liệu hướng dẫn

học học phần “Sinh lí học trẻ em”. Mục tiêu của tài liệu là phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Điểm mới của công trình là thiết kế tài liệu học tập theo định hướng phát triển năng lực và tích hợp các tình huống hợp tác giải quyết vấn đề. Tạo điều kiện để người học chủ động tham gia, trao đổi và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Về mặt lí luận, nghiên cứu đã hệ thống hoá được các khái niệm: tài liệu, tài liệu hướng dẫn học, tài liệu hướng dẫn học phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề, góp phần bổ sung cơ sở lí luận cho việc xây dựng tài liệu

dạy học định hướng năng lực trong giáo dục đại học. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng trong giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên. Cần mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các học phần khác của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non cũng như các ngành gần. Đồng thời, tiến hành đánh giá bằng dữ liệu định lượng để kiểm chứng và khẳng định rõ hơn hiệu quả của tài liệu hướng dẫn học. Những định hướng này không chỉ giúp nâng cao tính tin cậy của kết quả mà còn mở ra khả năng ứng dụng rộng rãi hơn trong đổi mới dạy học ở bậc đại học.

Tài liệu tham khảo

- ATC21S. (2010). *Assessing and teaching of 21st century skills*. Quellmalz, Edys SN - 978-94-007-2323-8. doi: - 10.1007/978-94-007-2324-5_5, Springer Science+Business Media.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- Đinh Thị Kim Thoa, Trần Thị Quỳnh Trang. (2019). *Mô hình cấu trúc năng lực hợp tác giải quyết vấn đề*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Hội thảo Khoa học Quốc tế “Các vấn đề mới trong khoa học giáo dục: Tiếp cận liên ngành và xuyên ngành”, ngày 20/ tháng 06/ năm 2019.
- Hoàng Phê. (2000). *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- Mai Văn Hưng (Chủ biên), Trần Thị Minh. (2024). *Giáo trình Sinh lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Phúc Hưng, Đỗ Hồng Cường, Nguyễn Ngọc Linh, Hoàng Quý Tinh. (2020). *Giáo trình Sinh lí học cơ thể trẻ em*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu Hà, Phan Thị Thanh Hội. (2022). *Vận dụng dạy học dự án để phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong dạy học học phần Sinh lí học trẻ em*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia lần thứ 5, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ninh Thị Huyền - Hồ Thị Thanh Tâm - Lê Thị Yến. (2019). *Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Patrick Griffin & Esther Care (Eds.). (2015). *Assessing and teaching of 21 st century skills, Methods and Approach (Eds) Springer*. Dordrecht and New York Publishing.
- PISA 2015 *Collaborative Problem-Solving Framework*”, OECD Publishing, Paris.
- Quốc hội. (2011). Luật số 01/2011/QH13, *Luật lưu trữ*, Điều 2, khoản 2, tr.3.
- Vũ Phương Liên. (2020). *Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học hóa học trung học phổ thông phân hóa học phi kim*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.